

Số: 50/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về mức chi hỗ trợ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước hiện hành;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2007/TTLT-BTP-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Được sự thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 2413/TTHĐND ngày 14 tháng 7 năm 2008 và theo đề nghị của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 1255/STC-HCSN ngày 16 tháng 9 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này áp dụng để chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, gồm các nội dung:

1. Lập chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Khảo sát, soạn thảo, thẩm định, góp ý, thẩm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, gồm các loại văn bản sau:

a) Dự thảo nghị quyết có quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị có quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 3. Nội dung và định mức chi hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ xây dựng đề cương văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong một số lĩnh vực có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực:

a) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố, mức chi: 500.000 đồng/đề cương.

b) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, mức chi: 350.000 đồng/đề cương.

c) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân phường, xã, mức chi: 250.000 đồng/đề cương.

2. Chi hỗ trợ soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp:

2.1. Áp dụng trong trường hợp có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực:

a) Đối với cấp thành phố:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết, quyết định: 2.000.000 đồng/văn bản dự thảo.

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị: 1.000.000 đồng/văn bản dự thảo.

b) Đối với cấp quận, huyện:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết, quyết định: 1.000.000 đồng/văn bản dự thảo.

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị: 500.000 đồng/văn bản dự thảo.

c) Đối với cấp phường, xã:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết, quyết định: 500.000 đồng/văn bản dự thảo.

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị: 300.000 đồng/văn bản dự thảo.

2.2. Áp dụng trong trường hợp có nội dung đơn giản:

a) Đối với cấp thành phố:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết, quyết định: 1.000.000 đồng/văn bản dự thảo.

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị: 500.000 đồng/văn bản dự thảo.

b) Đối với cấp quận, huyện:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết, quyết định: 350.000 đồng/văn bản dự thảo.

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị: 300.000 đồng/văn bản dự thảo.

c) Đối với cấp phường, xã:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết, quyết định: 200.000 đồng/văn bản dự thảo.

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị: 150.000 đồng/văn bản dự thảo.

3. Chi hỗ trợ soạn thảo báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; báo cáo thẩm định của cơ quan tư pháp đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố trình; báo cáo thẩm định của cơ quan tư pháp cùng cấp đối với quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện:

a) Đối với cấp thành phố, mức chi: 200.000 đồng/báo cáo.

b) Đối với cấp quận, huyện, mức chi: 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi hỗ trợ soạn thảo báo cáo chính lý, báo cáo góp ý của Ủy ban nhân dân thành phố đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp không do Ủy ban nhân dân thành phố trình; góp ý của cơ quan tư pháp đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận, huyện; chi soạn thảo văn bản góp ý kiến của công chức Tư pháp-Hộ tịch vào dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, xã và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân phường, xã:

a) Đối với cấp thành phố, mức chi: 100.000 đồng/báo cáo.

b) Đối với cấp quận, huyện, mức chi: 100.000 đồng/báo cáo.

c) Đối với cấp phường, xã, mức chi: 70.000 đồng/báo cáo.

5. Chi hỗ trợ cho thành viên tham gia các cuộc họp, hội thảo phục vụ: xét duyệt chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố; soạn thảo, chính lý dự thảo; thẩm định, thẩm tra dự thảo:

a) Đối với cấp thành phố, mức chi: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Đối với cấp quận, huyện, mức chi: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Đối với cấp phường, xã, mức chi: 50.000 đồng/người/buổi.

6. Chi hỗ trợ cho công tác tổ chức lấy ý kiến rộng rãi để xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trong một số lĩnh vực có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực:

6.1. Lấy ý kiến theo phiếu điều tra:

a) Đối với cấp thành phố, mức chi: 20.000 đồng/phiếu.

b) Đối với cấp quận, huyện, mức chi: 15.000 đồng/phiếu.

c) Đối với cấp phường, xã, mức chi: 10.000 đồng/phiếu.

6.2. Tổng hợp và xây dựng bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý vào dự thảo:

a) Đối với cấp thành phố, mức chi: 100.000 đồng/bản tổng hợp.

b) Đối với cấp quận, huyện, mức chi: 100.000 đồng/bản tổng hợp.

c) Đối với cấp phường, xã, mức chi: 100.000 đồng/bản tổng hợp.

7. Chi hỗ trợ cho công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật phục vụ trực tiếp cho việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật:

Căn cứ nội dung công việc cần triển khai, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật vận dụng mức chi tại Thông tư liên tịch số 158/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 28/12/2007 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành để xây dựng kế hoạch cụ thể trình cấp có thẩm quyền duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.

8. Mức chi tối đa đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật:

Căn cứ dự toán kinh phí được giao và tùy theo tính chất của mỗi văn bản, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phân bổ mức kinh phí cho phù hợp, nhưng tổng mức phân bổ kinh phí để thực hiện các nội dung và mức chi nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 3 không được vượt quá mức khống chế tối đa sau đây:

8.1. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong một số lĩnh vực có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực:

a) Cấp thành phố: 7.000.000 đồng/văn bản;

b) Cấp quận, huyện: 5.000.000 đồng/văn bản;

c) Cấp phường, xã: 3.000.000 đồng/văn bản.

8.2. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đơn giản:

a) Cấp thành phố:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: 5.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị của Ủy ban nhân dân: 2.000.000 đồng/văn bản.

b) Cấp quận, huyện:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: 3.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị của Ủy ban nhân dân: 1.500.000 đồng/văn bản.

c) Cấp phường, xã:

- Văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: 1.500.000 đồng/văn bản;

- Văn bản quy phạm pháp luật là chỉ thị của Ủy ban nhân dân: 1.000.000 đồng/văn bản.

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân:

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao. Kinh phí chi hỗ trợ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước các cấp (theo phân cấp ngân sách) bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao; chương trình, kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do cấp có thẩm quyền ban hành trong năm; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị bố trí kinh phí cho phù hợp để đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật đúng tiến độ và trong phạm vi kinh phí được bố trí.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị được tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ, tài trợ kinh phí để xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cũng phải thực hiện chi theo đúng nội dung và mức chi tại Quyết định này; trường hợp có cam kết khác giữa tổ chức, cá nhân viện trợ, tài trợ với cơ quan, đơn vị được nhận kinh phí viện trợ, tài trợ thì thực hiện theo cam kết đã thoả thuận.

3. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc do tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ, tài trợ phải đúng mục đích, đúng nội dung và mức chi tại Quyết định này.

Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 5. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương